

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/DS-PT

Ngày: 23 - 01 - 2026

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết

Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Phương

Ông Lý Thơ Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 391/2025/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2025/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 472/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 11/2026/QĐ-PT ngày 07/01/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T – sinh năm 1953; Địa chỉ: A L, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là A L, phường T, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Thế B – sinh năm 1966; Địa chỉ: Khu phố B N, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là khu phố B N, phường T, tỉnh Đắk Lắk), theo Giấy ủy quyền số công chứng 02586 ngày 18/06/2024 và bà Nguyễn Thị Diễm M – sinh năm 1993; Địa chỉ: G N, phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là G N, phường T, tỉnh Đắk Lắk), theo Giấy ủy quyền số công chứng 1523 ngày 03/03/2025. Ông B vắng mặt, bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hương T1 (Trang Hòa) – sinh năm 1975; Địa chỉ: 4 L, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là 4 L, phường T, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Đinh Hoàng V – sinh năm 1968 và bà Ngô Thị B1 - sinh năm 1977; Địa chỉ: 0 N, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Lê Thị Thạch .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:* Nguyên trước đây tôi chuyên mua bán sỉ đường cát tại chợ T2, bà T1 (tên thường gọi là Trang H) là bạn hàng mua bán với tôi từ năm 2014; phương thức mua bán là giao hàng trước nhận tiền sau; khi bà T1 đặt hàng thì người làm của tôi (bà B1, ông V) chở đường đến giao và bà T1 ký nhận vào sổ mua bán hàng của tôi, bà B1 mang sổ về tôi sang vào sổ khác ghi ra thành tiền (gọi là sổ giao nhận tiền), bà B1 nhận, giữ sổ và đi thu tiền của khách hàng về giao lại cho tôi trong ngày.

Với phương thức như vậy, từ ngày 4/3/2017 đến 14/8/2017 bà T1 mua của tôi số lượng hàng giá trị 2.603.750.000 đồng. Qua nhiều đợt trả tiền, bà T1 đã trả tổng cộng 1.699.000.000 đồng, còn nợ 904.750.000 đồng.

Cuối ngày bà B1 sẽ có trách nhiệm giao tiền và sổ đi thu tiền của khách hàng để tôi kiểm tra đối chiếu công nợ nhưng từ ngày 14/8/2017 bà B1 bỏ trốn không đưa tiền và giữ sổ giao nhận tiền của tôi.

Đến nay, tôi kiểm tra sổ hàng và sổ tiền thì khách hàng Nguyễn Thị Hương T1 (Trang Hòa) còn nợ tôi số tiền như trên, tôi đã yêu cầu bà T1 trả nhiều lần nhưng bà không chấp nhận trả. Do đó, tôi khởi kiện yêu cầu bà T1 trả số nợ 904.750.000đ và lãi suất từ ngày 14/8/2017.

- Bị đơn Nguyễn Thị Hương T1 vắng mặt nên không có trình bày

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị B1, ông Đinh Hoàng V vắng mặt nên không có trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 14/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 431, 433, 434, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Hương T1 phải trả số tiền mua hàng còn nợ là 1.619.251.180 đồng (trong đó 904.750.000 đồng, 714.501.180 đồng lãi suất), vì không có căn cứ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/7/2025 nguyên đơn bà Lê Thị T kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2025/DS-ST, ngày 14/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - tỉnh Đắk Lắk. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị T giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DSST ngày 14/07/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị T được nộp trong thời hạn luật định. Bà T thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định của pháp luật nên được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Do đó, kháng cáo của bà là hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Diễm M: Mặc dù bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng đơn ban đầu chưa có chữ ký. Tuy nhiên, Tòa án đã xác minh và bà M xác nhận việc thiếu chữ ký là do sơ suất, đồng thời vẫn giữ nguyên ý chí đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và sẽ bổ sung đơn có chữ ký hợp lệ. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 14/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk đã xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; đánh giá toàn diện lời trình bày của các đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; áp dụng đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Bộ luật Tố tụng dân sự để bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện và

kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nào chứng minh cho việc bị đơn còn nợ tiền mua hàng. Các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình chủ yếu vẫn là các sổ giao nhận hàng và sổ theo dõi tiền do nguyên đơn tự lập, không có xác nhận của bị đơn hoặc người có liên quan, nên không đủ căn cứ pháp lý để xác định nghĩa vụ thanh toán còn tồn tại của bị đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, sổ giao nhận hàng chỉ thể hiện việc giao – nhận số lượng hàng hóa, không thể hiện việc thanh toán tiền. Trong khi đó, sổ giao tiền là sổ do nguyên đơn tự ghi chép để theo dõi hoạt động kinh doanh, không có chữ ký xác nhận của bị đơn hoặc người thu tiền, nên không có giá trị chứng minh nghĩa vụ thanh toán của bị đơn theo quy định của pháp luật.

Mặt khác, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị B1 và lời khai của bị đơn Nguyễn Thị Hương T1 trong hồ sơ vụ án thể hiện việc mua bán được thực hiện theo hình thức giao hàng và thanh toán dứt điểm từng lần, phù hợp với tập quán mua bán tại địa phương. Nguyên đơn cũng thừa nhận đã giao toàn quyền việc giao dịch, giao hàng và thu tiền cho bà B1 và ông Đinh Hoàng V, bản thân nguyên đơn không trực tiếp thu tiền của bị đơn. Do đó, nếu có phát sinh việc thất thoát tiền thì đó là rủi ro trong quản lý kinh doanh của nguyên đơn, không thể buộc bị đơn phải chịu trách nhiệm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị T là không có căn cứ, bản án sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật, đúng bản chất vụ án, không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và không có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị T là người cao tuổi, do đó mặc dù kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận, nhưng bà T được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Thạch .

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 14/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Hương T1 phải trả số tiền mua hàng còn nợ là 1.619.251.180 đồng (trong đó 904.750.000 đồng, 714.501.180 đồng lãi suất), vì không có căn cứ.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn bà Lê Thị Thạch.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Viện Công tố và VKS xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng (Viện phúc thẩm 2);
- TAND khu vực 11 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 11 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Đình Triết